

Bản án số: 19/2020/HS-ST

Ngày: 29/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Văn Bình.

Ông: Nguyễn Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Kim B- sinh ngày 16 tháng 8 năm 1977; Nơi cư trú thôn 8, xã V1, huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá học hết lớp 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh B1 (đã chết) và bà Phan Thị H1 - sinh năm 1950; Có chồng Trần Đức C - sinh năm 1976; Con có bốn con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/6/2017 Chủ tịch UBND huyện Đ1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi làm chủ lô, đề, đã chấp hành xong; Ngày 26/01/2018 bị chủ tịch UBND huyện Đ1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi làm chủ lô, đề, đã chấp hành xong. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt).

2. Trần Thị O- sinh ngày 20 tháng 4 năm 1963; Nơi cư trú thôn 3, xã M, huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá học hết lớp 4/10; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức Văn (đã chết), con bà Lê Thị Ngọc (đã chết); Chồng Lý Cao B2 - sinh năm 1961; Con có ba con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1994; Tiền án: không; Tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại

ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt).

3. Nguyễn Thị Đ- sinh ngày 01 tháng 01 năm 1969; Nơi cư trú thôn 6, xã V1, huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá học hết lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết), con bà Vũ Thị S (đã chết); Có chồng Trần Đức H2 - sinh năm 1964; Con có hai con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; Tiền án không; Tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Hà Thanh H - sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn 9, xã M, huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt).

2. Chị Lê Thị C- sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn 1, xã V1, huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt).

3. Chị Trần Thị V- sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn 5, xã V1, huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt).

4. Chị Trần Thị T- sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn 8, xã V1, huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 16 giờ 00 phút ngày 16/12/2019, tại nhà ở của Nguyễn Kim B ở thôn 8, xã V1, huyện Đ1, Công an huyện Đ1 phát hiện và lập B bản sự việc anh Hà Thanh H đang mua bán số lô, số đề với Nguyễn Kim B tổng số tiền là 4.780.000đ. Tạm giữ của H 01 tờ giấy kẻ ngang không rõ hình, kích thước bản 6,7 x 07 cm, hai mặt đều ghi các chữ và số tự nhiên. Ngoài ra, B còn thừa nhận bán số lô, số đề cho nhiều người qua tin nhắn ĐTDD và tự nguyện giao nộp 01 ĐTDD nhãn hiệu SamSung Galaxy Core 2 màu trắng, lắp sim thuê bao số 0971.584635.

Quá trình điều tra xác định: Từ khoảng đầu tháng 12/2019, Nguyễn Kim B sử dụng ĐTDD lắp sim số 0971.584635 để nhận tin nhắn hoặc trực tiếp bán số lô, số đề cho người dân trong xã V1 và các xã giáp ranh. Hình thức như sau: Số đề là số tự nhiên có hai chữ số, người mua nếu trùng với hai số cuối của giải đặc biệt xổ

số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì trúng, khi trúng được gấp 70 lần số tiền mua; số đề ba số (3 càng) là số tự nhiên có ba chữ số, nếu trùng với ba số cuối của giải đặc biệt xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì trúng, khi trúng được gấp 350 lần số tiền mua, còn không trúng thì B được số tiền của người mua. Số lô điểm là số tự nhiên có hai chữ số, 01 điểm lô bán giá 23.000đ, nếu trùng với 02 số cuối giải bất kỳ của 27 giải xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì trúng với mức 01 điểm lô trúng = 80.000đ/1 lần trúng, 160.000đ/2 lần trúng, 240.000đ/3 lần trúng, tối đa không quá 03 lần; số lô xiên hai là hai số tự nhiên có hai chữ số, nếu cả hai số trùng với hai số cuối giải bất kỳ của 27 giải xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì trúng, khi trúng được gấp 10 lần số tiền mua, số lô xiên ba là ba số tự nhiên có hai chữ số, nếu cả ba số trùng với hai số cuối giải bất kỳ của 27 giải xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng cùng ngày thì trúng, khi trúng được gấp 40 lần số tiền mua, nếu không trúng thì B được số tiền của người mua. Cơ quan điều tra làm rõ B đã bán số lô, số đề cho những người sau:

* Ngày 02/12/2019: B bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị Đ với số tiền 1.995.000đ. Đ và B đã thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng cho nhau. Tổng số tiền Đ và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 3.595.000đ.

* Ngày 03/12/2019: B bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị Đ 1.790.000đ. Đ và B đã thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng cho nhau. Tổng số tiền Đ và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 2.590.000đ.

* Ngày 04/12/2019: B bán số lô, số đề cho 02 người với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 11.405.000đ, cụ thể:

1. Nguyễn Thị Đ sử dụng ĐTDĐ lắp sim số thuê bao 0393.152.676 nhắn 02 tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề, cụ thể: Lần 1: 1.185.000đ. Lần 2: 320.000đ. Tổng 02 lần Đ mua số đề của B 1.505.000đ.

Đ trúng được 1.900.000đ. Đ và B đã thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng cho nhau. Tổng số tiền Đ và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 3.405.000đ.

2. Trần Thị O sử dụng ĐTDĐ lắp sim thuê bao số 0979.481.165 nhắn tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề với tổng số tiền 8.000.000đ, không trúng, O đã thanh toán tiền cho B.

* Ngày 05/12/2019: B bán số lô, số đề cho Trần Thị O tổng số tiền là 8.570.000đ, không trúng số nào. O đã thanh toán tiền cho B.

* Ngày 06/12/2019: B bán số lô điểm, số đề cho Trần Thị O với tổng số tiền là 170.000đ nhưng không trúng, O đã thanh toán tiền cho B.

* Ngày 09/12/2019: B bán số lô, số đề cho Lê Thị C với số tiền là 100.000đ, không trúng, Chung chưa thanh toán cho B.

* Ngày 11/12/2019: B bán số lô, số đề cho Trần Thị V tổng số tiền 345.000đ, V trúng 800.000đ. V và B đã thanh toán tiền cho nhau. Tổng số tiền V và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 1.145.000đ.

* Ngày 12/12/2019: B bán số lô, số đề cho 02 người với tổng số tiền 9.184.000đ, cụ thể:

1. Lê Thị C sử dụng ĐTDĐ lắp sim số thuê bao 0346.588.519 nhắn tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề với tổng số tiền là 150.000đ, nhưng không trúng, Chung chưa thanh toán tiền cho B.

2. Nguyễn Thị Đ sử dụng ĐTDĐ lắp sim số thuê bao 0393.152.676 nhắn 06 tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề với tổng số tiền là 3.534.000đ. Đ trúng 5.500.000đ. Đ và B đã thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng cho nhau. Tổng số tiền Đ và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 9.034.000đ.

* Ngày 13/12/2019: B bán số lô điểm, số đề cho 03 người với tổng số tiền 8.350.000đ, cụ thể:

1. Trần Thị O sử dụng ĐTDĐ lắp sim thuê bao số 0979.481.165 nhắn tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề với tổng số tiền 627.000đ. Trúng đề được 4.460.000đ. O và B đã thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng cho nhau. Tổng số tiền O và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 5.087.000đ.

2. Nguyễn Thị Đ sử dụng ĐTDĐ lắp sim số thuê bao 0393.152.676 nhắn 03 tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô điểm, số đề với tổng số tiền là 1.513.000đ trúng đề được 1.520.000đ. Đ và B đã thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng cho nhau. Tổng số tiền Đ và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 3.033.000đ.

3. Trần Thị V sử dụng ĐTDĐ lắp sim số thuê bao 0963.593.172 nhắn 01 tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô điểm, số đề với tổng số tiền là 230.000đ, không trúng. V đã thanh toán tiền cho B.

* Ngày 14/12/2019: B bán số lô, số đề cho Trần Thị O với tổng số tiền là 365.000đ, trúng lô được 400.000đ. O và B đã thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng cho nhau. Tổng số tiền O và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 765.000đ.

* Ngày 15/12/2019: B bán số lô điểm, số đề cho 4 người với tổng số tiền 4.747.000đ, cụ thể:

1. Trần Thị O sử dụng ĐTDĐ lắp sim thuê bao số 0979.481.165 nhắn tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề với tổng số tiền là 392.000đ, trúng lô được 160.000đ. O và B đã thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng cho nhau. Tổng số tiền O và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 552.000đ.

2. Trần Thị V sử dụng ĐTDĐ lắp sim số thuê bao 0963.593.172 nhắn 01 tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề với tổng số tiền là 1.725.000đ, V trúng số lô được 1.200.000đ. B và V đã thanh toán tiền cho nhau. Tổng số tiền B và V mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 2.925.000đ.

3. Lê Thị C sử dụng ĐTDD lắp sim số thuê bao 0346.588.519 nhắn tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề với tổng số tiền là 200.000đ, trúng số đề được 350.000đ. B và Chung chưa thanh toán tiền cho nhau. Tổng số tiền Chung và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 550.000đ.

4. Hà Thanh H sử dụng ĐTDD nhắn tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô điểm, số đề với tổng số tiền là 320.000đ, H trúng số lô được 400.000đ. Tổng số tiền H và B mua, bán số lô, số đề và trúng thưởng là 720.000đ.

Ngoài ra Trần Thị T sử dụng ĐTDD lắp sim thuê bao số 0962.078.209 nhắn tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số đề 94 = 100.000đ, nhưng do B không đề ý tin nhắn nên không đồng ý, không bán số đề này cho Thu.

* Ngày 16/12/2019, B bán số lô, số đề cho 02 người với tổng số tiền 4.880.000đ, cụ thể:

1. Hà Thanh H sử dụng ĐTDD nhắn tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề với tổng số tiền là 4.780.000đ. H đã thanh toán tiền cho B.

2. Lê Thị C sử dụng ĐTDD lắp sim số thuê bao 0346.588.519 nhắn tin tới số thuê bao 0971.584.635 của B mua số lô, số đề với tổng số tiền là 100.000đ. Chung chưa thanh toán tiền cho B.

Như vậy đối với Nguyễn Kim B: Ngày 04/12/2019, số tiền sử dụng đánh bạc với Nguyễn Thị Đ và Trần Thị O là 11.405.000đ; ngày 05/12/2019 số tiền sử dụng đánh bạc với Trần Thị O là 8.570.000đ; ngày 12/12/2019 số tiền sử dụng để đánh bạc với Lê Thị C và Nguyễn Thị Đ là 9.184.000đ; ngày 13/12/2019, số tiền sử dụng đánh bạc với Trần Thị O, Nguyễn Thị Đ và Trần Thị V là 8.350.000đ.

Đối với Trần Thị O: Ngày 04/12/2019 mua các số đề của B với số tiền là 8.000.000đ; ngày 05/12/2019 mua số đề của B với số tiền là 8.570.000đ; ngày 13/12/2019, mua các số lô, số đề của B với số tiền là 5.087.000đ.

Đối với Nguyễn Thị Đ: Ngày 12/12/2019 mua các số lô, số đề của B với số tiền là 9.034.000đ.

Đối với Hà Thanh H, Lê Thị C, Trần Thị V có hành vi mua số lô, số đề của B nhưng số tiền dưới 5.000.000đ và đều là những người chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hay gá bạc nên không cấu thành tội phạm. Công an huyện Đ1 đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này.

Đối với Trần Thị T sử dụng ĐTDD nhắn tin cho B mua số đề nhưng, nhưng do B không bán nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với ông Trần Đức H2 là chồng của bị cáo Đ quá trình điều tra xác định: Ông H2 đứng tên đăng ký chủ số thuê bao 0393.152.676 nhưng cho bị cáo Đ sử dụng, không biết không liên quan việc Đ mua số lô, số đề nên không đề cập xử lý.

Về vật chứng: Tạm giữ của Nguyễn Kim B: 01 ĐTDD nhãn hiệu SamSung Galaxy Core 2 màu trắng, lắp sim thuê bao số 0971.584.635; Tiền VND 35.461.000đ. Tạm giữ của Trần Thị O 01 ĐTDD nhãn hiệu SamSung J3 màu vàng lắp sim thuê bao số 0979.481.165; Tiền VND 5.020.000đ. Tạm giữ của Nguyễn

Thị Đ 01 ĐTDĐ nhãn hiệu SamSung J2 màu hồng lắp sim thuê bao số 0393.152.676; Tiền VND 11.320.000đ. Tạm giữ của Lê Thị C 01 ĐTDĐ nhãn hiệu FPT màu xanh, lắp sim thuê bao số 0346.588.519; Tiền VND 550.000đ. Tạm giữ của Trần Thị V 01 ĐTDĐ nhãn hiệu IPHONE màu trắng - hồng, lắp sim thuê bao số 0963.593.172; Tiền VND 2.000.000đ. Tạm giữ của Hà Thanh H 01 cáp đề kích thước 6,7 x 07 cm và 400.000đ. Tạm giữ của Trần Thị T 01 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO A37F màu trắng lắp sim thuê bao số 0962.078.209.

Về điều kiện kinh tế của các bị cáo: Các bị cáo đều không có tài sản riêng gì có giá trị.

Tại bản cáo trạng số 12, ngày 16/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ1 đã truy tố các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Kim B.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim B từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V1, huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Kim B từ 5% đến 10%.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trần Thị O.

Xử phạt bị cáo Trần Thị O từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 54.751.000đ (năm mươi tư triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng).

- Tịch thu để bán phát mại sung quỹ nhà nước của: Bị cáo Nguyễn Kim B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Core 2 số IMEI 1: 3525540068618958; Bị cáo Trần Kim O 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J3 số IMEI 1: 359929071514928, số IMEI 2: 359930071514926; Bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 số IMEI 1: 354072095368008, số IMEI 2: 354073095368006.

- Truy thu để sung quỹ nhà nước của bị cáo Nguyễn Kim B số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho: Chị Lê Thị C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT số IMEI 1: 980011001524827, số IMEI 2: 980011001555128, 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0346.588.519; Chị Trần Thị V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE số IMEI 355771078191308, 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0963.593.172; Chị Trần Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F số IMEI 1: 863090031142455, số IMEI 2: 863060031142448, 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0962.078.209.

- Tịch thu tiêu hủy của: Bị cáo Nguyễn Kim B 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0971.584.635; Bị cáo Trần Kim O 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0979.481.165; Bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0393.152.676; 01 cặp đề kích thước 6,7 x 07cm.

Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát cũng như hành vi tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can và truy tố là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ đều khai nhận: Trong các ngày 04/12/2019, 05/12/2019, 12/12/2019, 13/12/2019 Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề, cụ thể.

+ Ngày 04/12/2019: Số tiền đánh bạc của Nguyễn Kim B với Nguyễn Thị Đ là 3.405.000đ; số tiền đánh bạc với Trần Thị O là 8.000.000đ. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 11.405.000đ.

+ Ngày 05/12/2019: Số tiền sử dụng đánh bạc của Nguyễn Kim B với Trần Thị O là 8.570.000đ.

+ Ngày 12/12/2019: Số tiền sử dụng để đánh bạc của Nguyễn Kim B với Lê Thị C là 150.000đ. Số tiền đánh bạc với Nguyễn Thị Đ là 9.034.000đ. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 9.184.000đ.

+ Ngày 13/12/2019: Số tiền sử dụng đánh bạc của Nguyễn Kim B với Trần Thị O là 5.087.000đ, số tiền sử dụng đánh bạc với Nguyễn Thị Đ là 3.033.000đ, số tiền sử dụng đánh bạc với Trần Thị V là 230.000đ. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 8.350.000đ.

Như vậy: Tổng số tiền Nguyễn Kim B đánh bạc trong bốn ngày là 37.509.000đ. Tổng số tiền Trần Thị O đánh bạc trong ba ngày là 21.657.000đ. Tổng số tiền Nguyễn Thị Đ đánh bạc trong ba ngày là 15.517.000đ.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các B bản hỏi cung bị can, bản kiểm điểm của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với B bản sự việc do Công an huyện Đ1 lập, vật chứng của vụ án cùng các tài liệu đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Nội dung khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

“ Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. ”

[3] Về tính chất của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm trật tự, an ninh xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần thiết phải xử nghiêm để giáo dục các bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và ngăn chặn, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị B đã bị Công an huyện Đ1 hai lần xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng đã chấp hành xong, các bị cáo Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ trước khi phạm tội cả hai bị cáo đều chưa từng vi phạm pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xem xét: Các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo B có mẹ đẻ, bị cáo O có bố đẻ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương và Kỷ niệm chương nên hai bị cáo còn được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên bị cáo Đ được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng; Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Kim B giữ vai trò chính, bị cáo B đứng ra đánh bạc với bị cáo O và bị cáo Đ, bị cáo B và bị cáo O phạm tội nhiều lần nên phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định nên chỉ cần áp dụng

hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo B và hình phạt tiền đối với bị cáo O và bị cáo Đ cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Kim B làm nghề lao động tự do, mức thu nhập ổn định bình quân 3.000.000đ/ tháng nên cần áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự để khấu trừ thu nhập của bị cáo với mức khấu trừ thu nhập 5%/ tháng trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ đều không có tài sản riêng gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 54.751.000đ (năm mươi tư triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng) là khoản tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) bị cáo Nguyễn Kim B liên quan đến việc đánh bạc cần truy thu để sung quỹ nhà nước.

- Đối với những vật chứng thu giữ của: Bị cáo Nguyễn Kim B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Core 2 màu trắng; Bị cáo Trần Kim O 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J3 màu vàng; Bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 màu hồng. Đây là những chiếc điện thoại các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu để bán phát mại sung quỹ nhà nước.

- Đối với những vật chứng thu giữ của: Chị Lê Thị C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu xanh, 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0346.588.519; Chị Trần Thị V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu trắng - hồng, 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0963.593.172; Chị Trần Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F màu trắng, 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0962.078.209. Đây là những tài sản của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, hiện những tài sản này còn giá trị sử dụng. Do hành vi của Lê Thị C, Trần Thị V và Trần Thị T chưa cấu thành tội phạm nên cần trả lại điện thoại và số sim cho Lê Thị C, Trần Thị V và Trần Thị T.

- Đối với những vật chứng thu giữ của: Bị cáo Nguyễn Kim B 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0971.584.635; Bị cáo Trần Kim O 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0979.481.165; Bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0393.152.676; 01 cặp đề kích thước 6,7 x 07cm. Đây là những vật chứng liên quan trực tiếp đến hành vi đánh bạc của các bị cáo nên cần tịch thu để tiêu hủy.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ phải nộp theo qui định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ1 về tội danh, mức hình phạt và đường lối xử lý vật chứng đối với các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ là đúng pháp luật cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1, 2, 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Kim B.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim B phạm tội “Đánh bạc”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim B 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Kim B cho Ủy ban nhân dân xã V1, huyện Đ1, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Kim B với số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng trong thời gian 18 tháng để sung quỹ Nhà nước (tổng thời gian khấu trừ thu nhập của bị cáo là 18 tháng, mỗi tháng 150.000đ).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Kim B.

2. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trần Thị O.

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị O phạm tội “Đánh bạc”.
- Xử phạt bị cáo Trần Thị O số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị O.

3. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 54.751.000đ (năm mươi tư triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng).

- Tịch thu để bán phát mại sung quỹ nhà nước của: Bị cáo Nguyễn Kim B 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Core 2 số IMEI 1: 3525540068618958; Bị cáo Trần Kim O 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J3 số IMEI 1: 359929071514928, số IMEI 2: 359930071514926; Bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung J2 số IMEI 1: 354072095368008, số IMEI 2: 354073095368006.

- Truy thu để sung quỹ nhà nước của bị cáo Nguyễn Kim B số tiền 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho: Chị Lê Thị C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu FPT số IMEI 1: 980011001524827, số IMEI 2: 980011001555128, 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0346.588.519; Chị Trần Thị V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE số IMEI 355771078191308, 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0963.593.172; Chị Trần Thị T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F số IMEI 1: 863090031142455, số IMEI 2: 863060031142448, 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0962.078.209.

- Tịch thu tiêu hủy của: Bị cáo Nguyễn Kim B 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0971.584.635; Bị cáo Trần Kim O 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0979.481.165; Bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0393.152.676; 01 cặp đề kích thước 6,7 x 07cm.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ: Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Kim B, Trần Thị O và Nguyễn Thị Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo.
- VKSND huyện Đoan Hùng
- VKS tỉnh Phú Thọ.
- Sở tư pháp.
- CA huyện Đoan Hùng.
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng.
- UBND xã V1.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn